TÒA ÁN NHÂN DÂN H. QUẾ VÕ **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 176/2020/QĐST-HNGĐ	*Quế Võ, ngày 12 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Sách; Bà Phan Thị Nhụ

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp " Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn".

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Duy T gồm có: Bà Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị N và cháu Nguyễn Thành C. Chị Nguyễn Thị N từ chối nhận di sản thừa kế.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1961;

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T (đã chết);

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971;
- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984;
- Cháu Nguyễn Thành C, sinh năm 2013 (Do bà Th là người đại diện);

Cùng địa chỉ: thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tài sản chung của ông Nguyễn Duy T và bà Đào Thị Đ gồm có: Về đất ở là thửa đất ở số 14, tờ bản đồ 13, diện tích 667,0m2 tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có trị giá là 2.000.000.000đ và các tài sản hiện có trên đất gồm nhà ở và các công trình trên đất giá trị là 5.000.000đ. Về đất nông nghiệp gồm có: 06 thửa đất ruộng canh tác trồng lúa tại thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Cụ thể: Thửa đất nông nghiệp số 570, tờ bản đồ số 31, diện tích 268,7m^2 ở xứ đồng Gốc Gạo; thửa đất nông nghiệp số 183, tờ bản đồ số 30, diện tích 437,1m^2 ở xứ đồng Chằm Tây; thửa đất nông nghiệp số 40, tờ bản đồ số 09, diện tích 108,2m^2 ở xứ đồng Chân Đê; thửa đất nông nghiệp số 211, tờ bản đồ số 19, diện tích 960m^2 ở xứ đồng Lô 5; thửa đất nông nghiệp số 115, tờ bản đồ số 13, diện tích 243,1m^2 ở xứ đồng Bãi Đông và thửa đất nông nghiệp số 10, tờ bản đồ số 04, diện tích 786,3m^2 ở xứ đồng Rừng, thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo. Tổng diện tích sử dụng của

đất nông nghiệp là 2803,4m2 tính theo giá đất nông nghiệp quy định của UBND tỉnh Bắc Ninh là 439.000đ/01m2 thì đất nông nghiệp của ông Thông và Bà Đ có trị giá là 1.230.692.600đ. Như vậy tổng trị giá tài sản chung của ông Thông và Bà Đ là 3.235.692.600đ. Do ông Thông đã chết, chị Nương từ chối nhận di sản thừa kế nên các đương sự đề nghị giao trực tiếp phần tài sản chung thuộc quyền sử hữu của ông Thông cho bà Th và cháu C trực tiếp quản lý và sử dụng. Bà Đ, bà Th và chị Nương thống nhất phân chia tài sản chung như sau:

Về đất ở: Các bên thống nhất chia đôi thửa đất, mỗi bên được sử dụng một nửa cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Th và cháu Nguyễn Thành C được sử dụng diện tích đất là 326,9m2; có các hướng như sau: Hướng bắc có chiều dài là 6,75m được nối từ tọa độ số 2 đến điểm A giáp với khu đất cho thuê của thôn Trúc Ổ; Hướng tây có chiều dài là 36,48m được nối từ tọa độ số 1 đến tọa độ số 2 giáp với đất hộ gia đình nhà bà C; Hướng Nam có chiều dài 9,93m từ tọa độ số 1 đến tọa độ số 8 và 0,91m từ tọa độ số 8 đến điểm C giáp với hộ ông Tòa; Hướng đông có chiều dài 37,02m được nối từ điểm C đến điểm B và 02m được nối từ điểm B đến điểm A (đường thẳng AC là đường ranh giới phân chia của thửa đất) giáp với nhà Bà Đ; Bà Th và cháu C được sử dụng toàn bộ nhà và các tài sản hiện có trên thửa đất được phân chia. *(Mốc giới và diện tích đất của bà Th và cháu C được chia theo sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo).*

- Bà Đào Thị Đ được sử dụng diện tích đất là 326,6m2 có các hướng và tứ cận như sau: Hướng bắc có chiều dài 6,74m được nối từ điểm A đến tọa độ số 3 giáp khu đất cho thuê của thôn Trúc Ổ; Hướng tây có chiều dài 37,02m được nối từ điểm C đến điểm B và 02m được nối từ điểm B đến điểm A (đường thẳng AC là đường ranh giới phân chia của thửa đất) giáp với nhà bà Th và cháu C; hướng Nam có chiều dài là 10,95m được nối từ điểm C đến tọa độ số 7 giáp với ao nhà ông Ng; hướng đông có chiều dài lần lượt là 02m từ tạo độ số 3 đến tọa độ số 4 giáp với ngõ đi, 11,13m từ tọa độ số 4 đến tọa độ số 5 giáp với khu đất của UBND xã Mộ Đạo, 12,23m từ tọa độ số 5 đến tọa độ số 6 giáp với hộ ông Ng và 9,07m từ tọa độ số 6 đến tọa độ số 7 giáp với ao ông Ng. Bà Đ phải trích một phần thửa đất có diện tích là 13,5m2 để làm ngõ đi chung có tứ cận như sau: Hướng bắc có chiều dài 6,74m được nối từ điểm A đến tọa độ số 3 giáp khu đất cho thuê của thôn Trúc Ổ; hướng đông có chiều dài lần lượt là 02m từ tọa độ số 3 đến tọa độ số 4 giáp với ngõ đi; Hướng nam có chiều dài 6,90m từ điểm B đến tọa độ số 4 giáp với phần đất được chia của Bà Đ; hướng tây có chiều dài là 02m được nối từ điểm A đến điểm B giáp với nhà bà Th. Bà Đ được sử dụng các tài sản trên phần đất được chia. *(Mốc giới và diện tích đất của Bà Đ được chia theo sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo).*

Về đất ruộng:

- Bà Đào Thị Đ được sở hữu, sử dụng 05 diện tích ruộng cấy lúa cụ thể: Thửa ruộng số 570, tờ bản đồ số 31, diện tích 268,7m^2 ở xứ đồng Gốc Gạo, thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 30, diện tích 437,1m^2 ở xứ đồng Chằm Tây; thửa đất số 40, tờ bản đồ số 09, diện tích 108,2m^2 ở xứ đồng Chân Đê; thửa đất số 211, tờ bản đồ số 19, diện tích 960m^2 ở xứ đồng Lô 5, thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo; thửa đất số 115, tờ bản đồ số 13, diện tích 243,1m^2 ở xứ đồng Bãi Đông, thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo.

Tổng giá trị tài sản Bà Đ được chia là 1.864.816.000đ (giá trị đất ở là 979.310.000đ, đất nông nghiệp là 885.506.000đ).

Tổng trị giá tài sản bà Th và cháu C được sử dụng 01 thửa đất số 10, tờ bản đồ số 04, diện tích 786,3m^2 ở xứ đồng Rừng, thôn Trúc Ô, xã Mộ Đạo. Tổng giá trị tài sản bà Th và cháu C được chia là 1.330.394.000đ (giá trị đất ở và tài sản trên đất là 985.209.000đ, giá trị tài sản đất nông nghiệp là 345.185.000đ).

Về án phí: Bà Đào Thị Đ, bà Nguyễn Thị Th và cháu Nguyễn Thành C (do bà Th là người đại diện) phải chịu tiền án phí DSST. Trong đó Bà Đ phải chịu tiền án phí DSST là 67.944.000đ, bà Th và cháu C phải chịu án phí DSST là 51.911.000đ. Tuy nhiên do cả hộ gia đình Bà Đ và bà Th đều là hộ cận nghèo tại địa phương nên các đương sự đều thuộc trường hợp được miễn toàn bộ tiền án phí DSST. Do đó, miễn tiền án phí DSST cho bà Đào Thị Đ, bà Nguyễn Thị Th và cháu Nguyễn Thành C (do bà Th là người đại diện). Trả lại Bà Đ 31.920.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000842 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Về lệ phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Đào Thị Đ, bà Nguyễn Thị Th và cháu Nguyễn Thành C (do bà Th là người đại diện) thỏa thuận mỗi bên phải chịu 5.000.000 đồng. Xác nhận Bà Đ đã nộp đủ số tiền này. Bà Th và cháu C (do bà Th là người đại diện) phải có trách nhiệm trả lại cho Bà Đ 5.000.000 đồng tiền thẩm định, định giá tài sản.

Bà Đào Thị Đ và bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Quế Võ;
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- Lưu HS vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hoài Phương